TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2026
V/v: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Vương Thị Thu Lan

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2025/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1982. Số CCCD: 015182004492. Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, tỉnh Lào Cai (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn N, sinh năm 1982. Số CCCD: 015082010538. Địa chỉ: Thôn Đ, xã X, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bầy: Tôi và anh Trương Văn N kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 13 tháng 01 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 04 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không còn hòa hợp, quan điểm sống vợ chồng không đồng nhất, anh N hay đi uống rượu say về chửi bới tôi và còn đánh tôi. Sự việc anh N đánh tôi, gia đình đã báo Công an xã hòa giải xong anh N vẫn không thay đổi. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Tôi đã làm thủ tục ly hôn. Tại Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST ngày 05/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh

Yên Bái. Khi đó Toà án đã quyết định: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn anh Trương Văn N. Về con chung: Xử giao hai cháu Trương Quốc V sinh ngày 30/07/2014; Trương Hà V1 sinh ngày 09/06/2016 cho anh Trương Văn N trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị Đoàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn về con chung anh N không trực tiếp nuôi hai cháu Trương Quốc V và cháu Trương Hà V1, hai cháu thường xuyên ở với bà nội, hàng tháng tiền đóng học cho hai cháu là tôi chuyển về cho cô giáo từ khi ly hôn cho đến nay, tiền ăn uống mỗi tháng tôi gửi về hỗ trợ cho bà nội từ hai triệu đến ba triệu đồng để mua thêm đồ ăn cho hai cháu. Sách vở và quần áo là tôi hoàn toàn lo cho hai cháu. Anh N không trực tiếp chăm sóc hai cháu. Với các lý do trên tôi thấy sau khi Toà án giao con cho anh N nuôi, anh N nuôi con không đảm bảo, để hai cháu có cuộc sống tốt hơn. Vì vậy tôi đề nghị Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với hai cháu Trương Quốc V sinh ngày 30/07/2014; Trương Hà V1 sinh ngày 09/06/2016 từ anh N sang cho tôi nuôi. Tôi nhận nuôi hai cháu Trương Quốc V sinh ngày 30/07/2014; Trương Hà V1 sinh ngày 09/06/2016 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay đi bán hàng thuê, thu nhập bình quân một tháng 12.000.000 đồng đủ để nuôi con. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm nữa.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của anh N tại thôn Đ, xã X, tỉnh Lào Cai. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh N. Bà Hoàng Thị L là mẹ đẻ anh N đã nhận thay anh N. Bà L đã thông báo cho anh N văn bản của Toà án bà đã nhận hộ. Anh N biết việc Toà án báo gọi để giải quyết việc chị T làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con. Nhưng anh N không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T: Giao cháu Trương Quốc V sinh ngày 30/07/2014; Trương Hà V1 sinh ngày 09/06/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu

cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí và xử lý tạm ứng án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Chị T được trả lại số tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc "Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về nội dung: Chị Đoàn Thị T và anh Trương Văn N ly hôn theo bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST ngày 05/4/2023 của Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Về con chung anh Trương Văn N là người trực tiếp nuôi cháu Trương Quốc V sinh ngày 30/07/2014; Trương Hà V1 sinh ngày 09/06/2016 chị Đoàn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T thấy sau khi Toà án giao con cho anh N nuôi, anh N nuôi con không đảm bảo, để hai cháu có cuộc sống được tốt hơn. Vì vậy chị T đề nghị Toà án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với hai cháu Trương Quốc V và cháu Trương Hà V1 từ anh N sang cho chị T nuôi. Chị T nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Thể hiện từ khi ly hôn cho đến nay chị T là người trực tiếp đóng tiền học cho hai cháu và hàng tháng chị T vẫn gửi tiền về cho bà Hoàng Thị L là bà nội (mẹ đẻ anh N) để thêm vào mua thức ăn cho các cháu vì hiện nay hai cháu thường xuyên ở cùng bà L. Toà án đã tiến hành lấy lời hai cháu V và cháu V1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của chị T đối với cháu Trương Quốc V và cháu Trương Hà V1 từ anh N sang cho chị T nuôi là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Đoàn Thị T không yêu cầu anh Trương Văn N phải cấp dưỡng nuôi các con. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T được Toà án chấp nhận nên chị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Chị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh Trương Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83; điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Xử giao cháu Trương Quốc V sinh ngày 30/07/2014; Trương Hà V1 sinh ngày 09/06/2016 cho chị Đoàn Thị T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Trương Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh Trương Văn N có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai theo biên lai thu số: 0001661 ngày 30 tháng 10 năm 2025.

- Anh Trương Văn N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh N chưa nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- Các đương sự.
- Lưu HS -TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng